

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng
Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông,
giai đoạn 2021 - 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành các điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 40/2020 ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 62/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 28/2018/TTBNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về quản lý rừng bền vững; số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức lao động điều tra quy hoạch rừng;

Căn cứ Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4370/TTr-STC ngày 27/8/2020; của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông tại Tờ trình số 19/TTr-BQLPL ngày 11/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, giai đoạn

2021 - 2030 với các nội dung chính như sau:

1. Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí hỗ trợ xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, giai đoạn 2021 - 2030, cụ thể:

- Tên nhiệm vụ: Xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, giai đoạn 2021 – 2030.

(Nội dung xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, giai đoạn 2021 – 2030 áp dụng đối với chủ rừng là tổ chức theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục II, Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Cấp quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Tổng dự toán thực hiện nhiệm vụ: 599.969.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

(Chi tiết có Phụ biểu số I kèm theo)

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 được phân bổ tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2020.

2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, giai đoạn 2021 - 2030, cụ thể:

- Toàn bộ phần công việc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chia làm 02 gói thầu.

- Nội dung các gói thầu: *Chi tiết có Phụ biểu số II kèm theo.*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này để triển khai, tổ chức thực hiện trình tự, các bước công việc theo đúng quy định của pháp luật; phê duyệt hồ sơ mời thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và các thủ tục khác liên quan đến nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 101, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và thực hiện trình tự, các bước công việc về đấu thầu liên quan theo quy định tại Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình có liên quan đến các gói thầu được phê duyệt.

2. Giao Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành, các đơn vị có liên quan

chịu trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc liên quan đến ngành; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện, đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện của chủ đầu tư, đảm bảo chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (t/hiện);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.
(MC56.08.20)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu số I:

DỰ TOÁN

Kinh phí hỗ trợ chi tiết xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, giai đoạn 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Định mức		Tổng số công	Hệ số lương BQ	Đơn giá tiền lương nhân công theo hệ số lương	Thành tiền	Thuế VAT (10%)	Kinh phí sau thuế (làm tròn)	Ghi chú
			Khối lượng	Số ĐM/ đơn vị							
	Tổng cộng (A+B+C)							549.760.585	50.209.720	599.969.000	
A	KINH PHÍ HỖ TRỢ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN							16.929.701	50.209.720	67.139.000	
1	Công tác chuẩn bị							16.345.189	1.634.600	17.980.000	
-	Thu thập tài liệu, bản đồ liên quan	Công/CT	1,0	15,00	15,0	3,66	247.882	3.718.227	371.800	4.090.000	
-	Xây dựng quy trình kỹ thuật và kế hoạch triển khai	Công/CT	1,0	10,00	10,0	5,42	367.082	3.670.818	367.100	4.038.000	
-	Chồng ghép các loại bản đồ, xây dựng bản đồ nền cho công tác ngoại nghiệp	Ha	16.999,8	0,0013	22,1	2,59	175.414	3.876.598	387.700	4.264.000	
-	Tập huấn thống nhất biện pháp kỹ thuật	Công/CT	5,00	5,00	25,00	3,00	203.182	5.079.545	508.000	5.588.000	
2	Điều tra, khảo sát ngoại nghiệp				857,46			214.447.375	21.444.820	235.892.000	
2.1	Điều kiện tự nhiên tại 10 xã của huyện Bá Thước và Quan Hóa	Công/xã	10,00	15,00	150,00	3,06	207.245	31.086.818	3.108.700	34.196.000	
2.2	Hiện trạng dân sinh, kinh tế, xã hội: Thông tin về tổng số hộ, nhân khẩu, dân tộc, lao động, thu nhập bình quân đầu người, diện tích canh tác...của 09 thôn vùng lõi và 39 thôn vùng đệm thuộc 10 xã của huyện Bá Thước và Quan Hóa	Công/xã	10,00	20,00	200,00	3,06	207.245	41.449.091	4.144.900	45.594.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2.3	Hệ thống giao thông tại 10 xã của huyện Bá Thước và Quan Hóa	Công/xã	10,00	15,00	150,00	3,06	207.245	31.086.818	3.108.700	34.196.000	
2.4	Hiện trạng sử dụng đất Khu BTTN	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,98	337.282	7.420.200	742.000	8.162.000	

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Định mức		Tổng số công	Hệ số lương BQ	Đơn giá tiền lương nhân công theo hệ số lương	Thành tiền	Thuế VAT (10%)	Kinh phí sau thuế (làm tròn)	Ghi chú
			Khối lượng	Số ĐM/ đơn vị							
	Pù Luông										
2.5	Tài nguyên rừng Khu BTTN Pù Luông				35,36			63.477.684	6.347.900	69.826.000	
-	Sơ thám khu vực tiến hành điều tra ngoại nghiệp	Công/điểm	1	20,0	20,0	4,65	314.932	6.298.636	629.900	6.929.000	
-	Mở tuyến điều tra	Công/km	8,0	3,30	26,4	2,06	139.518	3.683.280	368.300	4.052.000	
-	Mô tả đoạn (đường điều tra)	Công/km	8,0	0,50	4,0	4,65	314.932	1.259.727	126.000	1.386.000	
-	Điều tra tuyến thực vật rừng	Công/km	8,0	3,50	28,0	4,74	321.027	8.988.764	898.900	9.888.000	
-	Điều tra tuyến động vật rừng	Công/km	8,0	2,87	23,0	4,74	321.027	7.370.786	737.100	8.108.000	
-	Điều tra lâm sản ngoài gỗ	Công/km	8,0	1,00	8,0	4,06	274.973	2.199.782	220.000	2.420.000	
-	Điều tra tái sinh rừng trên tuyến	Công/km	8,0	3,50	28,0	4,74	321.027	8.988.764	898.900	9.888.000	
-	Điều tra côn trùng, sâu bệnh hại rừng	Công/km	8,0	6,00	48,0	3,99	270.232	12.971.127	1.297.100	14.268.000	
-	Phòng vấn dân cư sống trong và ven rừng	Công/hộ	100	0,50	50,0	3,46	234.336	11.716.818	1.171.700	12.889.000	
2.6	Cơ sở vật chất, các chương trình dự án đã thực hiện tại Khu BTTN Pù Luông	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,98	337.282	7.420.200	742.000	8.162.000	
2.7	Xác định phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,98	337.282	7.420.200	742.020	8.162.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2.8	Điều tra xác định các hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng, dịch vụ môi trường rừng và phát triển du lịch sinh thái tại Khu BTTN Pù Luông	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,98	337.282	7.420.200	742.000	8.162.000	
2.9	Kiểm tra ngoại nghiệp (7% công ngoại nghiệp)	Công	801,4	0,07	56,10	4,65	314.932	17.666.163	1.766.600	19.433.000	
3	Tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu							103.378.909	10.338.500	113.717.000	
3.1	Về điều kiện kinh tế - xã hội chung của khu vực	Công/CT	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Định mức		Tổng số công	Hệ số lương BQ	Đơn giá tiền lương nhân công theo hệ số lương	Thành tiền	Thuế VAT (10%)	Kinh phí sau thuế (làm tròn)	Ghi chú
			Khối lượng	Số ĐM/ đơn vị							
3.2	Về hiện trạng sử dụng đất, kết quả điều tra tài nguyên rừng Khu BTTN Pù Luông	Công/CT	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3.3	Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	Công/CT	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3.4	Phân tích số liệu phục vụ xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững BQL Khu BTTN Pù Luông, giai đoạn 2021 - 2030	Công/CT	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	
3.5	Xây dựng kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	Công/CD	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	
3.6	Xây dựng kế hoạch phát triển rừng	Công/CD	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	
3.7	Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực	Công/CD	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	
3.8	Xây dựng kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Công/CD	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	
3.9	Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng	Công/CD	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	
3.10	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững	Công/CD	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	
3.11	Xây dựng kế hoạch thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng	Công/CD	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	
3.12	Xây dựng kế hoạch theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng	Công/CD	1,0	22,0	22	4,65	314.932	6.928.500	692.900	7.621.000	

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Định mức		Tổng số công	Hệ số lương BQ	Đơn giá tiền lương nhân công theo hệ số lương	Thành tiền	Thuế VAT (10%)	Kinh phí sau thuế (làm tròn)	Ghi chú
			Khối lượng	Số ĐM/ đơn vị							
3.13	Tổng hợp, xây dựng phương án quản lý rừng bền vững BQL Khu BTTN Pù Luông, giai đoạn 2021 - 2030	Công/CT	1,0	60,00	60,0	4,98	337.282	20.236.909	2.023.700	22.261.000	
4	Chi phí vật liệu và dụng cụ thi công							34.861.828	3.486.200	38.348.000	
-	In phiếu điều tra, tài liệu, bảng biểu...	đồng/CT	1,0				10.000.000	10.000.000	1.000.000	11.000.000	Khoản
-	In bản đồ phục vụ hội nghị	Tờ	55,0				100.000	5.500.000	550.000	6.050.000	
-	In báo cáo chính, báo cáo tóm tắt	Tập	10,0				500.000	5.000.000	500.000	5.500.000	
-	Giấy gam	Gam	20				75.000	1.500.000	150.000	1.650.000	
-	Hỗ trợ xăng xe thực hiện công ngoại nghiệp	đồng/công	857,5				15.000	12.861.828	1.286.200	14.148.000	
5	Chồng xếp bản đồ, tính toán diện tích, số hóa bản đồ,... Xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng sử dụng đất Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	Công/mảnh	4,0	126,0	504,0	3,63	264.000	133.056.000	13.305.600	146.362.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
6	Tổ chức hội nghị xin ý kiến							14.840.400		14.840.000	
-	Hội nghị thông qua lần 1 (tại đơn vị)	HN	1,0	22,00	22,0	4,98	337.282	7.420.200		7.420.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
-	Hội nghị thông qua lần 2 (tại đơn vị)	HN	1,0	22,00	22,0	4,98	337.282	7.420.200		7.420.000	
B	CHI PHÍ KHÁC							29.884.385		29.884.000	
1	Xây dựng dự toán chi tiết kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án	Công/CT	1,0	11,00	11,0	5,42	367.082	4.037.900		4.038.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Kinh phí quản lý (A x 5%)							25.846.485		25.846.000	Quyết định số 5618/2015/QĐ-

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Định mức		Tổng số công	Hệ số lương BQ	Đơn giá tiền lương nhân công theo hệ số lương	Thành tiền	Thuế VAT (10%)	Kinh phí sau thuế (làm tròn)	Ghi chú
			Khối lượng	Số ĐM/ đơn vị							
											UBND ngày 31/12/2015
C	KINH PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN = A x 0,57%							2.946.499		2.946.000	Thông tư 10/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính

**Phụ biểu số II: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững
Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, giai đoạn 2021 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (Đồng)	Nguồn vốn	Hình thức; phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Công tác chuẩn bị; điều tra, khảo sát ngoại nghiệp; tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu và chi phí vật liệu; dụng cụ thi công	405.937.000	Từ nguồn vốn Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 được phân bổ tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chỉ định thầu; một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý III/2020	Trọn gói	3 tháng
2	Gói thầu số 02: Chồng xếp bản đồ, tính toán diện tích, số hóa bản đồ,... Xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng sử dụng đất Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	219.542.000	Từ nguồn vốn Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 được phân bổ tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chỉ định thầu; một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý III/2020	Trọn gói	3 tháng
	Tổng cộng	625.479.000					

* **Ghi chú:** Các gói thầu áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn theo quy định tại Điều 56, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.